

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST

Ngày 18-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Lê Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Võ Văn T1 (Q), sinh năm 1991 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Th và bà Nguyễn Thị Tr; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 21/6/2019 đến ngày 27/6/2019 chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt.

Bị cáo thứ hai: Võ Văn T2, sinh năm 1972 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp N, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Ng; vợ tên Nguyễn Thị Q và 03 người con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo có mặt.

Bị cáo thứ ba: Nguyễn Thanh D, sinh năm 1984 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

Văn P và bà Ong Thị C; vợ tên Nguyễn Thị U và 02 người con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Kha B, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp R, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 26/01/2019, Võ Văn T1 (Q) dùng võ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m; máy Honda 13HP GX390-389cm³ GCAA-2212653 của Võ Văn T1 đi đến nhà anh Nguyễn Kha B ở ấp R, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau để trộm cắp tài sản. Do anh Nguyễn Kha B vắng nhà nên Võ Văn T1 đã lén lút chiếm đoạt của anh B các loại tài sản gồm 01 đầu máy HINOTA 18HP, 01 tivi hiệu Sony màu đen, võ composite có chữ HTC hiệu Hữu Tín dài 5,4m và máy Honda 6.5HP số máy GCAE- 1035634 có dàn cầu và chân vịt.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Võ Văn T1 đem toàn bộ tài sản đi đến nhà của Võ Văn T2 ở ấp N, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau và bán cho Võ Văn T2 01 tivi hiệu Sony màu đen đã chiếm đoạt của anh B với giá 3.300.000 đồng, mặc dù Võ Văn T2 biết tài sản do Võ Văn T1 phạm tội mà có nhưng vẫn chấp nhận mua.

Đến ngày 27/01/2019, Võ Văn T1 đem đầu máy HINOTA 18HP chiếm đoạt của anh B tháo ra từng bộ phận sau đó đem các bộ phận của máy và 01 võ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m của Võ Văn T1 bán cho một người đàn ông không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể với giá 2.500.000 đồng.

Ngày 02/02/2019, Võ Văn T1 đem máy Honda 6.5HP là tài sản chiếm đoạt của anh B bán cho anh Nguyễn Văn T3 trú ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau với giá 2.000.000đ để trừ nợ nhưng anh T3 không biết tài sản do Võ Văn T1 phạm tội mà có.

Đến ngày 06/02/2019, Võ Văn T1 điều khiển võ composite có chữ HTC hiệu Hữu Tín dài 5,4m là tài sản chiếm đoạt của anh B và máy Honda 13HP của Võ Văn T1 đến ấp N, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau thì Nguyễn Thanh D gọi lại đòi tiền, do không có tiền trả nên Võ Văn T1 kêu Nguyễn Thanh D mua võ và máy để trừ nợ, Nguyễn Thanh D biết võ composite hiệu Hữu Tín là tài sản do Võ Văn T1 trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng để trừ nợ.

Khi sự việc được phát hiện, đến ngày 21/6/2019 Võ Văn T1 tự nguyện đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiển xác định 01 tivi hiệu Sony màu đen có giá trị

7.875.000 đồng; 01 máy hiệu HINOTA 18HP giá trị 3.100.000 đồng; 01 máy Honda số máy GCAE- 1035634 có dàn cầu inox có giá 2.940.000 đồng và 01 võ composite có chữ HTC giá trị là 3.360.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐ ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiền xác định giá trị 01 chân vịt máy bằng thao dùng cho máy thủy gia dụng có giá trị là 144.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.419.000 đồng.

Quá trình điều tra, Võ Văn T1 cho rằng việc trộm cắp là do Nguyễn Trường Kh chủ động rủ đi nhưng hiện tại chưa làm việc được với Nguyễn Trường Kh. Bị hại xác định Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 tivi hiệu Sony màu đen; 01 máy nổ hiệu Honda và 01 võ composite có chữ HTC hiệu Hữu Tín dài 5,4m đã trả lại cho bị hại. Phần tài sản máy nổ hiệu HINOTA 18HP không thu hồi được nhưng sau đó Võ Văn T1 cũng đã bồi thường đủ cho bị hại nên bị hại không yêu cầu tiếp tục bồi thường và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1.

Tài sản thu giữ gồm một máy nổ Honda 13HP GX390-389cm³ GCAA-2212653 bình xăng màu xanh, mặt nạ và chụp giựt màu đỏ, dàn cầu inox tròn, bọc lớp và cây láp bằng inox, không có chân vịt.

Cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 22/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền truy tố bị cáo Võ Văn T1 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Võ Văn T2 và bị cáo Nguyễn Thanh D về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T1 thừa nhận hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Kha B gồm 01 đầu máy HINOTA 18HP, 01 tivi hiệu Sony màu đen, võ composite có chữ HTC hiệu Hữu Tín dài 5,4m và máy Honda 6.5HP số máy GCAE-1035634 có dàn cầu và chân vịt có tổng giá trị 17.419.000 đồng. Đối với bị cáo Võ Văn T2 và Nguyễn Thanh D đều thừa nhận hành vi mua tài sản do bị cáo T1 bán mặc dù biết đây là tài sản do bị cáo T1 phạm tội mà có. Các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo không đặt ra yêu cầu gì khác.

Đối với phần thu nhập do bị cáo T2 xác định bình quân khoảng 2.000.000 đồng/tháng và thu nhập của bị cáo D xác định bình quân khoảng 2.000.000 đồng/tháng.

Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn T1 (Q) từ 06 đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn T2 và bị cáo Nguyễn Thanh D mỗi bị cáo từ 04 đến 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Về trách nhiệm

dân sự không đặt ra. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu một máy nổ Honda 13HP GX390-389cm³ GCAA- 2212653 bình xăng màu xanh, mặt nạ và chụp giựt màu đỏ, dàn cầu inox tròn, bọc lớp và cây lớp bằng inox, không có chân vịt nẹp ngân sách Nhà nước

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc yêu cầu gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên được xác định là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T1 (Q) đều thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Kha B gồm 01 đầu máy HINOTA 18HP, 01 tivi hiệu Sony màu đen, võ composite có chữ HTC hiệu Hữu Tín dài 5,4m và máy Honda 6.5HP số máy GCAE- 1035634 có dàn cầu và chân vịt có tổng giá trị 17.419.000 đồng, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và số tài sản bị chiếm đoạt. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Võ Văn T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh B có giá trị 17.419.000 đồng đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo Võ Văn T1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo Võ Văn T2 và bị cáo Nguyễn Thanh D mặc dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết được tài sản do bị cáo T1 chiếm đoạt nhưng các bị cáo vẫn chấp nhận tiêu thụ để hưởng lợi. Hành vi của bị cáo T2 và bị cáo D đã phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo T1 nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích tư lợi nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và hậu quả do chính bị cáo gây ra.

Hành vi của bị cáo T2 và bị cáo D đã xâm phạm đến trật tự công cộng, mặc dù các bị cáo biết rõ tài sản do bị cáo T1 chiếm đoạt nhưng vẫn chấp nhận tiếp tay để tiêu thụ nhằm hưởng lợi. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên cần phải được xử lý. Các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Các bị cáo không có tiền án tiền phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đối với bị cáo T1 sau khi sự việc bị phát hiện đã chủ động đến Cơ quan điều tra đầu thú và tích cực bồi thường thiệt hại, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1, đối với bị cáo D có cha là người có công với cách mạng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù, bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo T1 nên buộc bị có phải chấp hành mức hình phạt tù có thời hạn theo đề nghị của Viện kiểm sát là tương xứng để bị cáo có đủ thời gian cải tạo trở thành người có ích cho xã hội cũng như nhằm góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo T2 và bị cáo D, Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo nhưng không cần thiết phải cách ly bị cáo T2 và bị cáo D mà cho các bị cáo hưởng mức án có điều kiện cải tạo tại địa phương ở mức khởi điểm khung hình phạt của điều luật quy định là tương xứng, đồng thời giao bị cáo T2 và bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

[5] Bị cáo T1 khai nhận việc trộm cắp tài sản của anh B là do Nguyễn Trường Kh chủ động rủ rê nhưng hiện tại chưa làm việc được với Nguyễn Trường Kh, đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiến tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Trường Kh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T3 có hành vi mua tài sản do bị cáo T1 bán nhưng anh T3 không biết tài sản do bị cáo T1 phạm tội mà có nên không xem xét xử lý. Đối với người bị cáo bán tài sản nhưng chưa xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể, yêu cầu Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiến tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

[6] Hiện tại, bị cáo T2 và bị cáo D xác định có thu nhập ổn định bình quân khoảng 2.000.000 đồng/tháng nên buộc khấu trừ thu nhập theo lời khai của các bị cáo

xác định tại phiên tòa cụ thể khấu trừ 10% phần thu nhập đối với mỗi bị cáo trong thời gian 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, mỗi tháng tương ứng số tiền 200.000 đồng sung quỹ Nhà nước và buộc các bị cáo phải nộp hàng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được khắc phục bồi thường xong, bị hại không yêu cầu tiếp tục bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản thu giữ gồm một máy nổ Honda 13HP GX390-389cm³ GCAA-2212653 bình xăng màu xanh, mặt nạ và chụp giựt màu đỏ, dàn cầu inox tròn, bọc lớp và cây lúp bằng inox, không có chân vịt đây là phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc võ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m của bị cáo Tý cũng là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, tuy nhiên chiếc võ này bị cáo đã bán với giá 2.500.000 đồng nên buộc bị cáo phải nộp bằng tiền 2.500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Do các bị cáo bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Võ Văn T1 (Q) 07 (bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 21/6/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Võ Văn T2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành. Thời hạn chấp hành tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh C nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ phần thu nhập của bị cáo Võ Văn T2 trong thời gian 6 tháng, buộc bị cáo Võ Văn T2 mỗi tháng nộp 200.000 đồng sung quỹ Nhà nước và được nộp theo hàng tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành. Thời hạn chấp hành tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ phần thu nhập của bị cáo Nguyễn Thanh D trong thời gian 6 tháng, buộc bị cáo Nguyễn Thanh D mỗi tháng nộp 200.000 đồng sung quỹ Nhà nước và được nộp theo hàng tháng.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiển tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Trường Kh và người mà bị cáo T1 bán tài sản nhưng chưa rõ lai lịch, địa chỉ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Văn T3 mua tài sản do bị cáo T1 bán nhưng anh T3 không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một máy nổ Honda 13HP GX390-389cm³ GCAA- 2212653 bình xăng màu xanh, mặt nạ và chụp giựt màu đỏ, dàn cầu inox tròn, bọc lớp và cây láp bằng inox, không có chân vịt hiện được quản lý theo Lệnh nhập kho vật chứng số 10 ngày 12/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hiển. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T312 nộp số tiền 2.500.000 đồng là giá trị của chiếc vũ sử dụng vào việc phạm tội nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Võ Văn T1 (Q), bị cáo Võ Văn T2 và bị cáo Nguyễn Thanh D mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải